

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2018

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 4

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		587,779,335,179	367,329,516,653
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	285,625,233,675	167,334,700,107
1. Tiền	111		88,635,204,571	99,884,714,930
2. Các khoản tương đương tiền	112		196,990,029,104	67,449,985,177
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		217,513,466,269	128,021,600,809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	122,272,253,242	98,545,239,904
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6,853,244,550	5,221,357,771
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	89,093,891,301	24,469,836,746
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(705,922,824)	(214,833,612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		34,979,953,834	38,846,510,867
1. Hàng tồn kho	141	V.7	34,979,953,834	38,846,510,867
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49,660,681,401	33,126,704,870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3,407,011,431	5,056,906,588
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.8	46,253,669,970	28,066,642,882
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	3,155,400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,068,048,131,413	941,741,758,570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,713,470,000	3,360,721,143
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1,713,470,000	3,360,721,143
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		812,401,135,234	753,287,413,797
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	806,210,134,443	749,801,178,109
<i>Nguyên giá</i>	222		1,257,155,997,981	1,109,198,280,126
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(450,945,863,538)	(359,397,102,017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6,191,000,791	3,486,235,688
<i>Nguyên giá</i>	228		11,754,927,885	6,997,927,885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5,563,927,094)	(3,511,692,197)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3,816,588,904	12,525,951,591
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3,816,588,904	12,525,951,591
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		41,971,540,865	38,734,523,423
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	31,520,674,365	28,283,656,923
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	10,450,866,500	10,450,866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		208,145,396,410	133,833,148,616
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	208,145,396,410	133,833,148,616
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,655,827,466,592	1,309,071,275,223

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		437,303,264,079	472,894,191,748
I. Nợ ngắn hạn	310		247,670,262,661	279,771,297,639
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	70,683,042,563	92,705,820,588
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	223,930,590	733,044,194
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	12,385,404,060	12,629,303,627
4. Phải trả người lao động	314		19,584,718,240	14,834,706,436
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3,108,733,891	510,691,901
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	1,051,989,538	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	41,480,830,580	60,407,738,431
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	77,066,607,842	78,319,292,105
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	2,648,342,710	2,648,342,710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	19,436,662,647	16,982,357,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		189,633,001,418	193,122,894,109
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	25,000,000,000	50,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	164,633,001,418	143,122,894,109
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,218,524,202,513	836,177,083,475
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1,218,524,202,513	836,177,083,475
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487,827,510,000	345,078,180,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487,827,510,000	345,078,180,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115,606,612,922	58,738,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14,920,919,678)	(14,920,919,678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		179,564,070,809	152,064,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		188,212,795,914	124,290,839,354
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		53,206,074,354	124,290,839,354
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		135,006,721,560	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		262,234,132,546	170,926,532,068
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,655,827,466,592	1,309,071,275,223

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầu đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

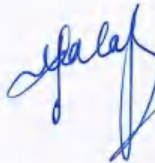
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	290,038,770,299	251,106,398,624	1,054,283,124,381	777,929,634,332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		290,038,770,299	251,106,398,624	1,054,283,124,381	777,929,634,332
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	221,430,487,034	189,446,907,504	834,979,388,181	574,310,554,828
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68,608,283,265	61,659,491,120	219,303,736,200	203,619,079,504
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,297,953,339	1,956,684,382	14,671,888,632	16,560,545,983
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,536,019,404	1,597,519,299	10,422,309,018	6,484,240,121
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,480,431,294	936,669,834	7,127,084,332	5,944,080,436
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1,052,630,565	1,203,627,426	2,037,017,442	3,965,075,161
9. Chi phí bán hàng	25					
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	18,659,654,371	12,238,662,547	61,303,048,262	45,393,370,359
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52,763,193,394	50,983,621,082	164,287,284,994	172,267,090,168
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1,031,622,215	266,819,090	23,761,994,749	1,549,690,963
13. Chi phí khác	32	VI.7	104,973,133	825,271,267	365,828,499	1,222,228,020
14. Lợi nhuận khác	40		926,649,082	(558,452,177)	23,396,166,250	327,462,943
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53,689,842,476	50,425,168,905	187,683,451,244	172,594,553,111
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	8,332,214,959	8,909,557,809	28,940,129,206	20,021,126,008
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45,357,627,517	41,515,611,096	158,743,322,038	152,573,427,103
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		37,684,978,012	38,152,726,083	135,006,721,560	147,270,464,201
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7,672,649,505	3,362,885,013	23,736,600,478	5,302,962,902
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1,030	1,047	3,692	4,052
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1,030	1,047	3,692	4,052

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Hảo

Phạm Thị Hồng Nhung

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ 4

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết n	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	187,683,451,244	172,594,553,111
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	100,535,476,782	79,390,420,855
- Các khoản dự phòng	03 VI.5	541,089,212	(187,533,500)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1,446,171,255	(215,305,768)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30,468,560,325)	(14,569,935,705)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	7,127,084,332	5,944,080,436
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	266,864,712,500	242,956,279,429
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(100,550,866,355)	(73,247,913,794)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3,866,557,033	(11,943,730,641)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(56,998,155,147)	32,714,606,127
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(72,116,898,092)	(103,565,154,237)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6,532,433,616)	(5,695,957,480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(33,050,403,162)	(26,779,010,033)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(7,195,695,000)	(8,048,530,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5,713,181,839)	46,390,589,371
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(314,897,800,369)	(289,744,807,639)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	177,291,812,532	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25 V.2a	(1,200,000,000)	(450,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,960,452,426	9,735,831,942
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(127,845,535,411)	(280,458,975,697)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết n	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	267,188,562,000	157,130,820,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(4,561,855,500)
3. Tiền thu từ đi vay	33		173,704,659,735	149,589,693,035
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(155,400,611,794)	(88,388,697,101)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(33,934,765,000)	(33,934,765,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		251,557,844,941	179,835,195,434
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		117,999,127,691	(54,233,190,892)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	167,334,700,107	221,639,040,386
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		291,405,877	(71,149,387)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	285,625,233,675	167,334,700,107

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 487.827.510.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2017. Ngày 15 tháng 8 năm 2018 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 487.827.510.000 VND

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (*)	Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	36%	36%	20%	20%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (*)	Tầng 2, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Phòng 502 tầng 5, Tòa nhà 133 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	40%	40%	40%	40%

(*) Là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 293 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 281 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2,811,200,781	1,992,151,430
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	85,824,003,790	97,892,563,500
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	196,990,029,104	67,449,985,177
Cộng	285,625,233,675	167,334,700,107

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (i)	2,076,047,422	-	2,525,656,275	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (ii)	26,671,058,720	-	25,758,000,648	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (iii)	2,773,568,223	-	-	-
Cộng	31,520,674,365	-	28,283,656,923	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201275526 ngày 13 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải HAS) 1.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký, trong đó, vốn góp ban đầu là 5.000.000.000 VND, tăng vốn góp từ lợi nhuận được chia là 7.500.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Hải An 1.200.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (i)	1,000,000,000	1,076,047,422	2,076,047,422	1,000,000,000	1,525,656,275	2,525,656,275
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (ii)	5,000,000,000	21,671,058,720	26,671,058,720	5,000,000,000	20,758,000,648	25,758,000,648
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (iii)	1,200,000,000	1,573,568,223	2,773,568,223			
Cộng	7,200,000,000	24,320,674,365	31,520,674,365	6,000,000,000	22,283,656,923	28,283,656,923

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong kỳ	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	2,525,656,275		(179,143,853)	(270,465,000)	2,076,047,422
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	25,758,000,648		3,413,058,072	(2,500,000,000)	26,671,058,720
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (iii)		1,200,000,000	1,573,568,223		2,773,568,223
Cộng	28,283,656,923	1,200,000,000	4,807,482,442	(2,770,465,000)	31,520,674,365

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,151,776,012	11,848,491,137
Sử dụng dịch vụ đại lý của HAAL	7,795,804,368	15,124,100,179
Nhận vốn của HAAL theo hợp đồng BCC	-	-
Trả vốn góp BCC	10,000,000,000	-
Lợi nhuận được chia	2,500,000,000	-
Chia lợi nhuận tài	-	5,462,402,733
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Sử dụng dịch vụ của HAGS	16,383,944,704	21,835,803,734
Cho vay	-	1,000,000,000
Lợi nhuận được chia	141,933,918	156,000,000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,034,930,353	1,386,060,108
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)		
Chuyển tiền góp vốn cho Giao nhận Vận tải Hải An	1,200,000,000	-
Sử dụng dịch vụ đại lý của HAFC	944,446,208	-
Cung cấp dịch vụ cho HAFC	21,799,856,547	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	10,000,000,000		10,000,000,000	
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	450,000,000		450,000,000	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000		864,000	
Công ty Cổ phần MHC	2,500		2,500	
Cộng	10,450,866,500	-	10,450,866,500	-

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	20,181,750,540	7,031,582,086
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	633,277,100	2,054,600,838
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	-	223,000,000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	14,140,755,902	
Công ty Cổ Phần Hàng Hải Macs	-	3,800,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng	-	367,116,752
Công ty Cổ phần Hải Minh	-	17,700,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	14,642,100	255,843,300
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	612,709,000	535,065,740
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	4,667,601,438	2,903,186,006
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	112,765,000	671,269,450
Phải thu các khách hàng khác	102,090,502,702	91,513,657,818
Các khách hàng khác	102,090,502,702	91,513,657,818
Cộng	122,272,253,242	98,545,239,904

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	6,853,244,550	5,221,357,771
AETC consulting & Trading BVA	5,364,712,000	
Alfa Laval Singapore Pte Ltd		668,113,008
Trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ		818,730,000
Các nhà cung cấp khác	1,488,532,550	3,734,514,763
Cộng	6,853,244,550	5,221,357,771

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	704,167	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An - Tiền lãi cho vay			704,167	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	89,093,891,301	-	24,469,132,579	-
Lãi tiền gửi dự thu	403,746,555		139,652,896	
Doanh thu tạm tính	3,121,970,476			
Ký cược, ký quỹ	70,396,872,836		20,156,857,220	
Tạm ứng	659,240,156		743,987,650	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam - tiền sửa chữa tàu Hải An Gate	14,369,234,234		2,616,871,765	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	142,827,044		811,763,048	
Cộng	89,093,891,301	-	24,469,836,746	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,713,470,000	-	3,360,721,143	-
Ký cược, ký quỹ	1,713,470,000		3,360,721,143	
Cộng	1,713,470,000	-	3,360,721,143	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	1,978,979,981	1,273,057,157	214,833,612	
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	65,089,486		65,089,486	
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	99,744,126		99,744,126	
Công ty TNHH K.N.V				3 năm	50,000,000
Navigator Marine Corp	dưới 1 năm	1,814,146,369	1,273,057,157		
Cộng		1,978,979,981	1,273,057,157	214,833,612	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	214,833,612	282,367,112
Trích lập dự phòng bổ sung	541,089,212	
Hoàn nhập dự phòng		(47,533,500)
Giảm khác	(50,000,000)	
Số cuối kỳ	705,922,824	234,833,612

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	
	Giá gốc		Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	34,897,068,379	-	38,735,928,460	-
Công cụ, dụng cụ	82,885,455	-	110,582,407	-
Cộng	34,979,953,834	-	38,846,510,867	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	1,710,335,160	1,602,929,222
Công cụ dụng cụ	332,664,167	153,583,234
Chi phí sửa chữa	-	1,807,934,849
Phí đường bộ	-	121,852,831
Chi phí dầu nhờn	1,249,503,273	-
Chi phí thuê tàu	-	1,314,661,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	114,508,831	55,945,452
Cộng	3,407,011,431	5,056,906,588

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	912,739,526	1,944,425,185
Chi phí lên đà tàu Hải An Time	-	3,356,995,095
Chi phí lên đà tàu Hải An Song	2,633,327,131	7,147,602,211
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	6,975,308,840	-
Chi phí lên đà tàu Hải An Bell	15,003,605,339	-
Công cụ dụng cụ	739,200,064	3,271,550,567
Tiền thuê đất	181,626,676,616	117,650,995,000
Bản quyền phần mềm	254,538,894	461,580,558
Cộng	208,145,396,410	133,833,148,616

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	199,103,152,320	276,262,732,177	610,516,762,113	2,330,626,798	20,985,006,718	1,109,198,280,126
Mua, xây dựng trong kỳ	70,847,078,989	3,776,500,000	238,286,417,522	-	30,000,000	312,939,996,511
Thanh lý, nhượng bán			(164,982,278,656)			(164,982,278,656)
Số cuối kỳ	269,950,231,309	280,039,232,177	683,820,900,979	2,330,626,798	21,015,006,718	1,257,155,997,981
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	93,789,395,901	152,940,118,906	108,968,440,596	1,530,914,898	2,168,231,716	359,397,102,017
Khấu hao trong kỳ	14,675,364,849	29,876,255,588	51,631,676,633	195,731,178	2,104,213,637	98,483,241,885
Thanh lý, nhượng bán			(6,934,480,364)			(6,934,480,364)
Số cuối kỳ	108,464,760,750	182,816,374,494	153,665,636,865	1,726,646,076	4,272,445,353	450,945,863,538
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	105,313,756,419	123,322,613,271	501,548,321,517	799,711,900	18,816,775,002	749,801,178,109
Số cuối kỳ	161,485,470,559	97,222,857,683	530,155,264,114	603,980,722	16,742,561,365	806,210,134,443

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	2,052,912,649	6,997,927,885
Mua trong kỳ		4,757,000,000	4,757,000,000
Thanh lý, nhượng bán			-
Số cuối kỳ	4,945,015,236	6,809,912,649	11,754,927,885
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1,967,645,709	1,544,046,488	3,511,692,197
Khấu hao trong kỳ	141,286,152	1,910,948,745	2,052,234,897
Thanh lý, nhượng bán			-
Số cuối kỳ	2,108,931,861	3,454,995,233	5,563,927,094
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,977,369,527	508,866,161	3,486,235,688
Số cuối kỳ	2,836,083,375	3,354,917,416	6,191,000,791

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	7,360,497,046	245,205,841,581	(249,652,376,568)	(2,913,962,059)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	5,165,454,545	64,954,592,716	(66,833,904,534)	(545,454,545)	2,740,688,182
Sửa chữa lớn tài sản cố định		31,376,935,644	-	(30,301,034,922)	1,075,900,722
Cộng	12,525,951,591	341,537,369,941	(316,486,281,102)	(33,760,451,526)	3,816,588,904

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	7,335,380,541	10,207,461,426
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	2,626,212,731	3,875,655,526
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	750,796,415	2,920,813,185
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	266,543,009	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	308,670,922	1,014,032,208
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	175,613,613	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	2,716,328,851	2,019,652,507
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	7,260,000	19,800,000
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	483,955,000	357,508,000
Phải trả các nhà cung cấp khác	63,347,662,022	82,498,359,162
Triton Container International Limited-Colle	2,137,259,433	
International Bunker Services Limited	-	10,461,573,453
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd	-	12,018,975,517
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀNG	10,352,777,607	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

HẢI VIỆT NAM

BMS United Bunkers (Asia) Limited

Các nhà cung cấp khác

Cộng

10,202,569,877

40,655,055,105

70,683,042,563

60,017,810,192

92,705,820,588

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Trả trước của các bên liên quan

Công ty Cổ phần Hải Minh

Trả trước của các khách hàng khác

Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Phúc Tín

Các khách hàng khác

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

-

3,000,000

-

3,000,000

223,930,590

730,044,194

-

417,380,000

223,930,590

312,664,194

223,930,590

733,044,194

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,966,290,774		25,284,438,943	(24,144,013,809)	3,106,715,908
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			23,925,417,684	(23,925,417,684)	-
Thuế xuất, nhập khẩu		3,155,400	947,554,934	(947,554,934)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,816,855,404		32,033,155,764	(33,050,403,162)	7,799,608,006
Thuế thu nhập cá nhân	1,846,157,449		4,372,422,369	(4,739,499,672)	1,479,080,146
Tiền thuê đất			1,240,166,947	(1,240,166,947)	-
Các loại thuế khác			115,667,600	(115,667,600)	-
Cộng	12,629,303,627	3,155,400	42,883,269,447	(49,169,712,847)	12,385,404,060

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cước cho nước ngoài thuê tàu định hạn

0%

Cung cấp nước ngọt

5%

Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác

10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Tập đoàn được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ như sau:

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8,189,302,519	7,351,086,696
Thuế TNDN truy thu các năm trước	142,912,440	1,558,471,113
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	499,670,072	1,545,080,155
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8,831,885,031	10,454,637,964

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3,108,733,891</i>	<i>510,691,901</i>
Chi phí lãi vay phải trả	1,056,867,336	462,216,620
Chi phí môi giới cho thuê tàu	-	48,475,281
Tạm tính chi phí khai thác tàu	249,334,414	
Chi phí dầu mua trên tàu	1,802,532,141	
Cộng	3,108,733,891	510,691,901

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan - Lãi hợp tác kinh doanh</i>	<i>4,319,438,269</i>	<i>18,397,788,731</i>
Công ty Cổ phần Transimex	-	6,254,359,714
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	863,887,655	5,307,989,465
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1,727,775,307	2,848,096,989
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	-	2,754,544,774
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	1,727,775,307	1,232,797,789
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>37,161,392,311</i>	<i>42,009,949,700</i>
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh	-	1,900,931,375
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	25,575,794,806	36,338,550,216
Kinh phí công đoàn	358,859,625	44,734,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	49,197,420	9,177,474
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	418,950,000	418,950,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam - tiền sửa chữa tàu Hải An Gate	-	2,327,529,935
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10,758,590,460	970,076,700
Cộng	41,480,830,580	60,407,738,431

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan về vốn hợp tác kinh doanh (*)	25,000,000,000	50,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	5,000,000,000	10,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10,000,000,000	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10,000,000,000	20,000,000,000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Cộng	25,000,000,000	50,000,000,000

(*) Phải trả các bên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐHTKD ngày 06 tháng 8 năm 2015 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48-HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

17. Vay ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan		
Vay ngắn hạn ngân hàng	5,049,365,476	3,757,962,845
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (i)	5,049,365,476	3,757,962,845
Vay dài hạn đến hạn trả	72,017,242,366	74,561,329,260
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	6,455,700,160	12,644,409,040
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	52,001,607,390	36,123,985,500
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội (iii)	7,327,578,396	7,177,894,880
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	6,232,356,420	18,615,039,840
Cộng	77,066,607,842	78,319,292,105

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngắn hạn	3,757,962,845	29,777,036,235	-	-	(28,485,633,604)	5,049,365,476
Vay dài hạn đến hạn trả	74,561,329,260	-	72,038,026,845	1,060,076,851	(75,642,190,590)	72,017,242,366
Cộng	78,319,292,105	29,777,036,235	72,038,026,845	1,060,076,851	(104,127,824,194)	77,066,607,842

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ Giá trị	Số đầu năm Giá trị
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	164,633,001,418	143,122,894,109
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính (ii)	-	6,322,363,840
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	149,869,183,740	67,956,566,890
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội (iii)	-	7,177,894,199
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (iv)	14,763,817,678	61,666,069,180
Cộng	164,633,001,418	143,122,894,109

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo các hợp đồng sau:
Hợp đồng để mua xe nâng và cần cẩu với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.

Hợp đồng vay để mua tàu HaiAn Park với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay đến ngày 05/5/2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11 tháng 04 năm 2014 để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có hệ thống 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20 tháng 01 năm 2014 để thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời gian trả nợ gốc 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.

Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định bao gồm lãi nhập gốc; thanh toán bù đắp chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với Dự án đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thế chấp tài sản bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án là 10 xe đầu kéo và 10 somi Romooc.

Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/9/2018 để thanh toán tiền thuê đất và các chi phí thi công đường nội bộ, bãi container, hệ thống thoát nước... của dự án Đầu tư Logistics Pantos-Hải An. Thời gian vay 120 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng chính các hạng mục công trình xây dựng.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15 tháng 10 năm 2018 để mua 01 tàu container HaiAn Link, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là tàu chở container HaiAn Link.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng vay 25-10.14/HĐTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014 để thực hiện Dự án đầu tư tàu container với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu HAIAN SONG.

(iv) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay với lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị gồm: 01 máy container trục xoay model: TEREX TFC45R, xuất xứ Pháp Series number: 175467, Sản xuất : 2009, nặng 45.000 kg và 01 máy container trục xoay model: DRF420 - 60S, xuất xứ Pháp Series number: A11300405, sản xuất: 2010, nặng 42.000 kg.

Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng 300 Container 20 feet và 100 container 40 feet theo hợp đồng ngoại thương số XPCL/HaiAn 2016-001 ngày 31/10/2016 ký với Xiamen Pacific Container Manufacturing Co.,Ltd.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 để thanh toán tiền mua dầu và công nợ với, thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	72,017,242,366	74,561,329,260
Trên 1 năm đến 5 năm	164,633,001,418	143,122,894,109
Trên 5 năm		
Cộng	236,650,243,784	217,684,223,369

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng / giảm khác	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính (ii)	6,322,363,840	-	65,279,240	-	(6,387,643,080)	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	67,956,566,890	132,892,309,500	669,710,158	-	(51,649,402,808)	149,869,183,7
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt	7,177,894,199	-	79,894,718	-	(7,257,788,917)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nam - CN Hà Nội (iii) Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (iv)	61,666,069,180	11,035,314,000	78,414,138	(51,272,787,600)	(6,743,192,040)	14,763,817,6
Cộng	143,122,894,109	143,927,623,500	893,298,254	(51,272,787,600)	(72,038,026,845)	164,633,001,4

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.648.342.710
Tăng do trích lập	
Số sử dụng	
Số cuối kỳ	2.648.342.710

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	10,410,013,213	5,515,000,000	(1,461,795,000)	14,463,218,213
Quỹ hội đồng quản trị	6,572,344,434	4,135,000,000	(5,733,900,000)	4,973,444,434
Cộng	16,982,357,647	9,650,000,000	(7,195,695,000)	19,436,662,647

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(10,359,064,178)	131,730,070,809	153,894,000,153	8,442,749,166	574,458,456,872
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	113,115,860,000	(50,000,000)	-	-	(113,115,860,000)		(50,000,000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4,561,855,500)	-	-	-	(4,561,855,500)
Góp vốn trong năm						157,180,820,000	157,180,820,000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	147,270,464,201	5,302,962,902	152,573,427,103
Trích lập các quỹ	-	-	-	20,334,000,000	(29,823,000,000)		(9,489,000,000)
Tạm ứng cổ tức năm 2017					(33,934,765,000)		(33,934,765,000)
Số dư cuối kỳ trước	345,078,180,000	58,738,380,922	(14,920,919,678)	152,064,070,809	124,290,839,354	170,926,532,068	836,177,083,475
Số dư đầu năm nay	345,078,180,000	58,738,380,922	(14,920,919,678)	152,064,070,809	124,290,839,354	170,926,532,068	836,177,083,475
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	142,749,330,000	56,868,232,000	-	-	-	-	199,617,562,000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	135,006,721,560	23,736,600,478	158,743,322,038
Góp vốn trong kỳ						67,571,000,000	67,571,000,000
Trích lập các quỹ	-	-	-	27,500,000,000	(37,150,000,000)		(9,650,000,000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(33,934,765,000)		(33,934,765,000)
Số dư cuối kỳ này	487,827,510,000	115,606,612,922	(14,920,919,678)	179,564,070,809	188,212,795,914	262,234,132,546	1,218,524,202,513

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	34.507.818
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	34.507.818
- Cổ phiếu phổ thông	48.782.751	34.507.818
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	573.053	573.053
- Cổ phiếu phổ thông	573.053	573.053
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.209.698	33.934.765
- Cổ phiếu phổ thông	48.209.698	33.934.765
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 0206-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 67.869.530.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 27.500.000.000
• Trích quỹ Hội đồng quản trị	: 4.135.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.515.000.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1,074,155	744,775
Euro (EUR)	313	41

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	125,245,189,663	89,981,372,751
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	238,175,584,062	185,580,498,038
Doanh thu hoạt động khác	(28,455,516,107)	18,555,251,174
Loại trừ nội bộ	(44,926,487,319)	(43,010,723,339)
Cộng	<u>290,038,770,299</u>	<u>251,106,398,624</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	728,000,000	45,636,363
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng	-	490,321,000
Công ty Cổ Phần Hải Minh	39,636,365	83,909,090
Công ty Cổ phần Transimex	1,331,909,080	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	13,440,000	269,745,818
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	557,008,186	803,895,738
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	4,569,668,972	2,310,103,308
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	258,490,912	3,111,891,292

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	90,485,172,954	55,190,243,253
Giá vốn của hoạt động tàu	187,314,186,877	165,361,999,444
Giá vốn của hoạt động khác	(11,442,385,478)	11,905,388,146
Loại trừ nội bộ	(44,926,487,319)	(43,010,723,339)
Cộng	<u>221,430,487,034</u>	<u>189,446,907,504</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	71,476,237	80,962,003
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2,850,683,807	1,321,038,788
Lãi tiền cho vay	-	4,748,611
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	718,360,449	542,694,579
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	657,432,846	7,240,401
Cộng	<u>4,297,953,339</u>	<u>1,956,684,382</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2,480,431,294	1,579,703,201
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	48,173,267	15,707,495
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7,414,843	2,108,603
Cộng	<u>2,536,019,404</u>	<u>1,597,519,299</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9,316,331,491	4,600,917,260
Chi phí vật liệu quản lý	567,123,489	546,953,353
Chi phí đồ dùng văn phòng	185,823,381	289,232,976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,043,401,387	532,874,249
Thuế, phí và lệ phí	49,004,000	31,660,000
Dự phòng phải thu khó đòi	(3,154,699)	(100,000,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,502,249,586	2,622,235,111
Các chi phí khác	4,998,875,736	3,714,789,598
Cộng	18,659,654,371	12,238,662,547

6. Thu nhập khác

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hoạt động BCC	(115,292,894)	
Tiền bồi thường	6,170,119	240,220,000
Thu nhập khác	1,140,744,990	26,599,090
Cộng	1,031,622,215	266,819,090

7. Chi phí khác

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Bồi thường tổn thất	44,360,651	178,920,662
Thuế bị phạt, bị truy thu	73,661,278	623,843,760
Chi phí khác	(13,048,796)	22,506,845
Cộng	104,973,133	825,271,267

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	135,006,721,560	147,270,464,201
Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT (i)	(9,450,471,000)	(9,652,580,131)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	125,556,250,560	137,617,884,070
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	34,011,512	33,964,002
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,692	4,052

(i) Quỹ khen thưởng, quỹ HDQT năm 2018 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018 (7%) trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An.

(ii) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	33,934,765	22,740,129
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		(87,713)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 5 năm 2017		11,311,586
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 6 năm 2018	76,747	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	34,011,512	33,964,002

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ trước, Tập đoàn đã trả cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 113.115.860.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	5,055,307,487	3,831,839,655
Cộng	5,055,307,487	3,831,839,655

1a. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An
Công ty Cổ phần Transimex
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức

Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.

Mối quan hệ

Công ty liên kết của Công ty con
Công ty liên kết của Công ty con
Cổ đông lớn, cùng thành viên HĐQT
Cổ đông lớn, cùng thành viên HĐQT
Cổ đông lớn, cùng thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty
Cùng thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Trả cổ tức	1,546,875,000	1,546,875,000
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	22,158,140	26,965,800
Chia lợi nhuận BCC	-	3,203,220,674
Công ty Cổ phần Transimex		
Trả cổ tức	4,414,385,000	6,836,235,000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu	653,981,820	603,946,362
Chia lợi nhuận BCC	-	12,402,714,194
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Nhận vốn góp BCC	-	20,000,000,000
Trả vốn góp BCC	10,000,000,000	
Trả cổ tức	3,045,000,000	3,045,000,000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu	-	876,070,000
Sử dụng dịch vụ cho hoạt động đại lý	-	360,900,602
HACT sử dụng dịch vụ tư vấn	2,074,260,000	835,010,000
Tiền thuê văn phòng	2,865,096,669	116,496,114
Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Sử dụng dịch vụ của Maserco	429,429,037	37,352,000
Trả cổ tức	1,242,811,000	1,740,601,000
Công ty Cổ Phần Hải Minh		
Trả cổ tức	-	412,500,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức	300,330,000	300,330,000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu	-	3,075,991,103
Sử dụng dịch vụ đại lý	13,245,512,345	
Nhận vốn góp BCC	-	10,000,000,000
Trả vốn góp BCC	5,000,000,000	
Chia lợi nhuận BCC	-	9,303,663,303
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ MLA HP	6,600,000	297,600,000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại HCM		
Sử dụng dịch vụ MLA HCM	3,469,076,909	1,310,420,909
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương		
Trả cổ tức	-	1,300,320,000

Công nợ với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12, V.13 và V.16.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Loại trừ nội bộ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	327,405,780,324	824,632,228,560	85,969,716,463	(183,724,600,966)	1,054,283,124,381
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	327,405,780,324	824,632,228,560	85,969,716,463	(183,724,600,966)	1,054,283,124,381
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	95,858,439,492	105,807,784,155	17,637,512,553	-	219,303,736,200
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(61,303,048,262)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					158,000,687,938
Doanh thu hoạt động tài chính					14,671,888,632
Chi phí tài chính					(10,422,309,018)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					2,037,017,442
Thu nhập khác					23,761,994,749
Chi phí khác					(365,828,499)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(28,940,129,206)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					158,743,322,038
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn	5,366,405,455	238,286,417,522	82,324,682,217		325,977,505,194

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*khác***Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

47,971,024,535

57,062,554,648

13,747,408,160

118,780,987,343

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

-

-

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

378,206,556,151

502,635,320,368

43,425,673,757

(146,337,915,944)

777,929,634,332

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

378,206,556,151

502,635,320,368

43,425,673,757

(146,337,915,944)

777,929,634,332

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

130,140,840,486

58,773,153,703

14,705,085,315

-

203,619,079,504

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

(45,393,370,359)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

158,225,709,145

Doanh thu hoạt động tài chính

16,560,545,983

Chi phí tài chính

(6,484,240,121)

Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

3,965,075,161

Thu nhập khác

1,549,690,963

Chi phí khác

(1,222,228,020)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

(20,021,126,008)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

152,573,427,103

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

15,628,634,191

279,921,213,904

122,994,012,224

418,543,860,319

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

46,337,402,380

48,887,275,324

4,870,411,656

100,095,089,360

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	504,585,763,378	671,054,654,637	200,696,339,783	1,376,336,757,798
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				279,490,708,794
Tổng tài sản				1,655,827,466,592
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	41,645,320,294	302,096,156,607	41,462,024,923	385,203,501,824
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				52,099,762,255
Tổng nợ phải trả				437,303,264,079
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	269,495,527,060	610,626,356,711	146,357,042,122	1,026,478,925,893
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				282,592,349,330
Tổng tài sản				1,309,071,275,223
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	61,725,706,773	276,800,242,921	52,581,389,399	391,107,339,093
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				81,786,852,655
Tổng nợ phải trả				472,894,191,748

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc

**Vũ Thanh Hải**